BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/2024/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2024

THÔNG TƯ
Quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quy trình kỹ thuật xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai gồm các cơ sở dữ liệu thành phần: địa chính; điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thống kê, kiểm kê đất đai; dữ liệu khác liên quan đến đất đai.

Quy trình kỹ thuật xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật về đất đai và cơ sở dữ liệu về thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan có chức năng quản lý đất đai ở địa phương; Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; công chức làm công tác địa chính ở xã, phường, thị trấn.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Điều 3. Thành phần của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai

Thành phần của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 165 của Luật Đất đai được thiết kế theo mô hình dữ liệu gồm: dữ liệu không gian đất đai, dữ liệu thuộc tính đất đai, dữ liệu đất đai phi cấu trúc và siêu dữ liệu đất đai. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai được tổ chức xây dựng, quản lý theo phân cấp từ trung ương đến địa phương như sau:

1. Cơ sở dữ liệu đất đai do địa phương tổ chức xây dựng, quản lý trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gồm:

a) Cơ sở dữ liệu địa chính;

b) Cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất;

c) Cơ sở dữ liệu giá đất;

d) Cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

đ) Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

2. Cơ sở dữ liệu đất đai do trung ương tổ chức xây dựng, quản lý gồm:

a) Cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất đối với cấp vùng kinh tế - xã hội và cả nước;

b) Cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với cấp quốc gia;

c) Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai đối với cấp vùng kinh tế - xã hội và cả nước;

d) Cơ sở dữ liệu khác liên quan đến đất đai: dữ liệu về hồ sơ đất đai tại trung ương; dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất; dữ liệu về thông tin

kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính; dữ liệu tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam; dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, huỷ; dữ liệu tổng hợp về giá đất;

đ) Cơ sở dữ liệu đất đai của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được tích hợp lên trung ương.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai

1. Cơ sở dữ liệu đất đai sau khi xây dựng phải đảm bảo tuân thủ quy định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Các cơ sở dữ liệu thành phần của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai phải được xây dựng đồng thời và được liên kết, tích hợp với nhau, trong đó cơ sở dữ liệu địa chính được ưu tiên xây dựng để làm cơ sở xây dựng và định vị không gian các cơ sở dữ liệu thành phần khác của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

3. Dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai phải thống nhất với thông tin, dữ liệu, tài liệu hồ sơ được sử dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

4. Trong quá trình xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai phải đảm bảo các quy định về an toàn và bảo mật dữ liệu.

5. Việc đồng bộ, tích hợp cơ sở dữ liệu đất đai do địa phương quản lý vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai do trung ương quản lý phải được thực hiện thường xuyên sau khi cơ sở dữ liệu đất đai của địa phương đưa vào quản lý, vận hành.

6. Quy mô tổ chức triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai được xác định theo đơn vị hành chính cấp huyện trên cơ sở thiết kế kỹ thuật - dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với các đơn vị hành chính cấp huyện đã xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai nhưng chưa đầy đủ dữ liệu của tất cả các đơn vị hành chính cấp xã thì xây dựng bổ sung để đảm bảo khép kín đơn vị hành chính cấp huyện.

Thiết kế kỹ thuật - dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai được cấp có thẩm quyền phê duyệt kèm theo quyết định phê duyệt phải nộp (bản số) về Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai để theo dõi, tổng hợp.

7. Đối với khu vực đất sản xuất nông nghiệp đã có kế hoạch hoặc đang thực hiện dồn điền đổi thửa thì cơ sở dữ liệu địa chính được xây dựng trong quá trình thực hiện đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận.

Chương II
QUY TRÌNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI DO TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG TỔ CHỨC XÂY DỰNG

Mục 1
QUY TRÌNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH

Tiểu mục 1
QUY TRÌNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP ĐÃ THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Điều 5. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn thi công.

2. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với trường hợp đã thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận.

Điều 6. Thu thập tài liệu, dữ liệu

1. Tài liệu, dữ liệu thu thập cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính gồm:

a) Bản đồ địa chính mới nhất dạng số (hoặc dạng giấy đối với những khu vực không có bản đồ địa chính dạng số) và các loại tài liệu đo đạc khác (bản đồ giải thửa, sơ đồ, trích đo bản đồ địa chính, bản vẽ hoàn công tài sản gắn liền với đất) đã sử dụng để đăng ký, cấp Giấy chứng nhận; bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã (dạng số) của kỳ kiểm kê đất đai gần nhất đối với khu vực không có bản đồ địa chính;

b) Bản lưu, bản sao Giấy chứng nhận từ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định về hồ sơ địa chính (sau đây gọi là bản sao Giấy chứng nhận); sổ mục kê đất đai; sổ địa chính; sổ cấp Giấy chứng nhận;

c) Hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất;

d) Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất.

2. Tài liệu, dữ liệu sau khi thu thập phải được lập theo biểu tổng hợp tài liệu thu thập theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa.

Điều 7. Rà soát, đánh giá và phân loại tài liệu, dữ liệu

1. Rà soát, đánh giá tài liệu, dữ liệu

Rà soát, đánh giá tài liệu, dữ liệu đã được thu thập cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính.

Nội dung rà soát, đánh giá phải xác định được thời gian lập, mức độ đầy đủ thông tin, tính pháp lý của từng tài liệu, dữ liệu để lựa chọn sử dụng cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính.

Kết quả rà soát, đánh giá được lập thành báo cáo, trong đó phải xác định được từng loại tài liệu sử dụng để xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền, xây dựng dữ liệu không gian địa chính và xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính theo quy định sau:

a) Tài liệu để xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền

- Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã đã có bản đồ địa chính phủ kín thì sử dụng bản đồ địa chính;

- Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã có bản đồ địa chính nhưng chưa phủ kín thì sử dụng bản đồ địa chính đối với khu vực có bản đồ địa chính, những khu vực còn lại thì sử dụng bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã của kỳ kiểm kê gần nhất;

- Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã chưa có bản đồ địa chính thì sử dụng bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã của kỳ kiểm kê gần nhất.

b) Tài liệu để xây dựng dữ liệu không gian địa chính

Tài liệu để xây dựng dữ liệu không gian địa chính là bản đồ địa chính. Trường hợp khu vực chưa thành lập bản đồ địa chính, mảnh trích đo địa chính thì sử dụng các loại tài liệu đo đạc khác đã dùng khi cấp Giấy chứng nhận để xây dựng dữ liệu không gian địa chính và phải đánh giá độ chính xác, khả năng liên kết không gian giữa các thửa đất liền kề để có phương án xây dựng dữ liệu không gian địa chính cho phù hợp.

c) Tài liệu để xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính

Tài liệu để xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính sử dụng các tài liệu theo thứ tự sau: bản sao Giấy chứng nhận, sổ địa chính, hồ sơ đăng ký đất đai, hồ sơ đăng ký biến động đất đai, tài liệu giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất.

2. Phân loại các thửa đất

Thực hiện phân loại các thửa đất trên cơ sở hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận như sau:

a) Thửa đất loại A: là thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận chưa có tài sản gắn liền với đất;

b) Thửa đất loại B: là thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận có tài sản gắn liền với đất;

c) Thửa đất loại C: là thửa đất được cấp chung một Giấy chứng nhận;

d) Thửa đất loại D: căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại trong nhà chung cư, nhà hỗn hợp, công trình xây dựng, công trình ngầm, hạng mục của công trình xây dựng đã được cấp Giấy chứng nhận;

đ) Thửa đất loại E: thửa đất đã đăng ký đất đai nhưng chưa hoặc không được cấp Giấy chứng nhận;

e) Thửa đất loại G: thửa đất đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận nhưng không thu thập được tài liệu theo yêu cầu để xây dựng cơ sở dữ liệu;

g) Thửa đất loại H: thửa đất chưa đăng ký đất đai.

3. Đối với các thửa đất chưa thực hiện đăng ký đất đai thì lập danh sách và chuyển cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

4. Lập bảng thống kê phân loại thửa đất theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền

1. Dữ liệu không gian đất đai nền được xây dựng theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã và phải được thực hiện đồng thời với việc xây dựng dữ liệu không gian địa chính.

2. Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền

a) Xử lý biên theo quy định về bản đồ đối với các tài liệu bản đồ tiếp giáp nhau;

b) Tách, lọc và chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian đất đai nền;

c) Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian đất đai nền từ tệp (file) bản đồ số vào cơ sở dữ liệu;

d) Xây dựng, bổ sung lớp tim đường cho lớp giao thông dạng vùng đối với trường hợp trên bản đồ địa chính chưa có lớp tim đường theo phân cấp đường giao thông. Lớp tim đường được xác định là đường trung tâm (center line) của đối tượng đường giao thông;

đ) Gộp các thành phần tiếp giáp nhau của cùng một đối tượng không gian đất đai nền thành một đối tượng duy nhất phù hợp với thông tin thuộc tính của đối tượng theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã.

3. Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền

a) Xử lý tiếp biên dữ liệu không gian đất đai nền giữa các đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện liền kề;

b) Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền vào cơ sở dữ liệu đất đai để quản lý, vận hành, khai thác sử dụng.

Điều 9. Xây dựng dữ liệu không gian địa chính

1. Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian địa chính

a) Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian địa chính với nội dung tương ứng trong bản đồ địa chính để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ địa chính;

b) Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian địa chính chưa phù hợp với quy định nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

c) Rà soát chuẩn hóa, cập nhật thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian địa chính theo quy định nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian địa chính từ tệp (file) bản đồ số vào cơ sở dữ liệu theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã.

3. Gộp các thành phần tiếp giáp nhau của cùng một đối tượng không gian địa chính thành một đối tượng duy nhất phù hợp với thông tin thuộc tính của đối tượng theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã.

4. Bổ sung, chỉnh sửa các thửa đất, tài sản gắn liền với đất đã thay đổi hình thể, kích thước theo hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận, hồ sơ đăng ký biến động.

5. Xử lý việc chồng lấn diện tích của các thửa đất, tài sản gắn liền với đất do đo đạc địa chính, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận trên nền các bản đồ có tỷ lệ khác nhau hoặc thời điểm đo đạc khác nhau. Kết quả xử lý được lập thành bảng thống kê thửa đất chỉnh lý biến động - tiếp biên khu đo khác tỷ lệ theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Rà soát dữ liệu không gian của từng đơn vị hành chính cấp xã để xử lý các lỗi dọc biên giữa các xã tiếp giáp nhau (nếu có). Trường hợp có sự sai lệch về hình thể (do độ chính xác của các loại bản đồ địa chính khác loại tỷ lệ) cần xử lý đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan. Kết quả xử lý biên các đối tượng còn mâu thuẫn được lập bảng kết quả xử lý biên các đối tượng còn mâu thuẫn theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Đối với trường hợp bản đồ địa chính được sử dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính ở dạng giấy hoặc chưa được thành lập trong hệ tọa độ quốc gia VN-2000 thì thực hiện việc số hóa, chuyển đổi hệ tọa độ và biên tập nội dung bản đồ số theo quy định hiện hành.

8. Đối với khu vực chưa có bản đồ địa chính thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp có mảnh trích đo địa chính theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 thì chuyển đổi các lớp đối tượng vào dữ liệu không gian địa chính;

b) Trường hợp có sơ đồ, mảnh trích đo địa chính dạng số chưa theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 hoặc bản đồ giải thửa dạng số thì chuyển đổi vào dữ liệu không gian địa chính và định vị trên dữ liệu không gian đất đai nền;

c) Trường hợp có sơ đồ, mảnh trích đo địa chính dạng giấy theo hệ tọa độ giả định hoặc bản đồ giải thửa dạng giấy thì quét và định vị trên dữ liệu không gian đất đai nền.

9. Đối với trường hợp tài liệu đo đạc địa chính mới (bản đồ địa chính, mảnh trích đo địa chính) đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, nghiệm thu xác nhận thay thế tài liệu, số liệu đo đạc đã sử dụng để đăng ký, cấp Giấy chứng nhận trước đây nhưng chưa cấp đổi Giấy chứng nhận thì thông tin về số thứ tự thửa đất, ranh giới thửa và diện tích thửa đất được xác định theo tài liệu đo đạc mới.

Điều 10. Xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính

Dữ liệu thuộc tính địa chính được xây dựng đồng thời trong quá trình xây dựng dữ liệu không gian quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Thông tư này và được tiếp tục xây dựng từ các nguồn tài liệu đã được thu thập tại Điều 6 của Thông tư này theo các bước sau:

1. Kiểm tra tính đầy đủ thông tin của thửa đất, lựa chọn tài liệu để lấy thông tin. Lập bảng tổng hợp tài liệu, dữ liệu thu thập để xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Lập bảng tham chiếu số tờ, số thửa và diện tích đối với các thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận theo bản đồ cũ nhưng chưa cấp đổi Giấy chứng nhận theo bản đồ địa chính mới.

3. Nhập thông tin từ tài liệu đã lựa chọn tại khoản 1 Điều này vào cơ sở dữ liệu địa chính.

4. Lập bảng thông tin chưa đồng bộ giữa dữ liệu thuộc tính địa chính và dữ liệu không gian của cơ sở dữ liệu địa chính theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về địa chính

Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về địa chính được xây dựng bằng cách quét (scan) các tài liệu giấy tờ pháp lý đang được lưu trữ dưới dạng giấy, xử lý tệp tin và đưa vào cơ sở dữ liệu để quản lý, theo các bước sau:

1. Quét các giấy tờ pháp lý và tài liệu kèm theo (bản gốc hoặc bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền) nhằm xác thực thông tin của thửa đất, bao gồm:

a) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (lần đầu);

b) Biên bản của Hội đồng đăng ký đất đai lần đầu (nếu có);

c) Tờ trình về việc đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nếu có);

d) Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất của tổ chức, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc;

đ) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất;

e) Phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai;

g) Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có);

h) Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai;

i) Giấy chứng nhận hoặc bản lưu Giấy chứng nhận; trang bổ sung (nếu có);

k) Hợp đồng thuê đất đối với trường hợp thuê đất của Nhà nước.

Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với định dạng PDF, phiên bản 1.4 trở lên; độ phân giải tối thiểu: 200 dpi; tỷ lệ số hóa: 100%.

2. Xử lý các tệp tin quét thành các tệp tin theo quy định về dữ liệu đất đai phi cấu trúc; lưu trữ dưới định dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được); chất lượng hình ảnh số phải sắc nét và rõ ràng, các hình ảnh được sắp xếp theo cùng một hướng, hình ảnh phải được quét vuông góc, không được cong vênh.

3. Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết dữ liệu đất đai phi cấu trúc với thửa đất trong cơ sở dữ liệu.

4. Vận chuyển, bàn giao tài liệu cho đơn vị quản lý hồ sơ, tài liệu.

Điều 12. Hoàn thiện dữ liệu địa chính

1. Thực hiện rà soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu địa chính tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Thực hiện xuất sổ địa chính theo định dạng tệp tin PDF.

Điều 13. Xây dựng siêu dữ liệu địa chính

1. Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu địa chính.

2. Nhập thông tin siêu dữ liệu địa chính. Siêu dữ liệu địa chính được lập theo

đơn vị hành chính cấp xã đối với phạm vi cơ sở dữ liệu địa chính đã được xây dựng và được cập nhật khi có thay đổi thông tin. Nội dung thông tin siêu dữ liệu địa chính cần nhập như sau:

a) Nhóm thông tin chung: được nhập theo phạm vi cơ sở dữ liệu đất đai đã được xây dựng và theo từng đơn vị hành chính cấp xã;

b) Thông tin mô tả về dữ liệu không gian đất đai: nhập theo nhóm gồm một hoặc nhiều thửa đất mà dữ liệu không gian có chung một kiểu dữ liệu không gian, nguồn gốc tài liệu đầu vào và phương pháp đo đạc;

c) Nhóm thông tin mô tả về dữ liệu thuộc tính đất đai: được nhập theo nhóm gồm một hoặc nhiều thửa đất mà dữ liệu được nhập từ cùng một loại tài liệu, hồ sơ đầu vào theo nguồn tài liệu được sử dụng để xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 của Thông tư này;

d) Nhóm thông tin mô tả về dữ liệu đất đai phi cấu trúc được nhập theo nhóm gồm một hoặc nhiều thửa đất có chung một định dạng dữ liệu, một nguồn gốc dữ liệu (bản giấy, file số);

đ) Nhóm thông tin mô tả chất lượng dữ liệu được nhập theo nhóm gồm một hoặc nhiều thửa đất theo các tiêu chí về tính đồng bộ dữ liệu, nguồn dữ liệu đầu vào và mức độ đầy đủ thông tin. Phương pháp đánh giá, tiêu chí đánh giá theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Nhóm thông tin mô tả phương thức chia sẻ dữ liệu đất đai được nhập khi thực hiện xuất một tập dữ liệu gồm một hoặc nhiều thửa đất để chia sẻ, trao đổi dữ liệu.

Điều 14. Đối soát, tích hợp dữ liệu vào hệ thống

Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc sau:

1. Đối soát thông tin của tất cả các thửa đất trong cơ sở dữ liệu đất đai với nguồn tài liệu, dữ liệu đã sử dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu.

2. Thực hiện ký số sổ địa chính, ký số vào các tài liệu quét của dữ liệu phi cấu trúc.

3. Tích hợp dữ liệu đã được đối soát vào hệ thống đang quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương.

Việc đối soát, ký số sổ địa chính, tích hợp dữ liệu phải được thực hiện sau khi nhận được sản phẩm bàn giao của đơn vị thi công để kịp thời đưa vào quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 15. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu địa chính

1. Đơn vị thi công có trách nhiệm:

a) Chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu;

b) Tổng hợp, xác định khối lượng sản phẩm đã thực hiện theo định kỳ hàng tháng, theo công đoạn công trình và kết thúc công trình;

c) Lập biên bản bàn giao dữ liệu theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm:

a) Chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu;

b) Tổng hợp, xác định khối lượng sản phẩm đã thực hiện theo định kỳ, theo công đoạn công trình và kết thúc công trình.

3. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu có trách nhiệm:

a) Thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu địa chính theo quy định về công tác kiểm tra, nghiệm thu trong lĩnh vực quản lý đất đai;

b) Kiểm tra sản phẩm của đơn vị thi công bàn giao trước khi Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện đối soát, tích hợp vào hệ thống đang quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương;

c) Làm thủ tục xác nhận sản phẩm theo định kỳ, theo công đoạn công trình và kết thúc công trình.

Tiểu mục 2
QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHUYỂN ĐỔI, BỔ SUNG, HOÀN THIỆN CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH ĐÃ XÂY DỰNG TRƯỚC NGÀY 01 THÁNG 8 NĂM 2024 (NGÀY THÔNG TƯ SỐ 09/2024/TT-BTNMT CÓ HIỆU LỰC THI HÀNH)

Điều 16. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn thi công.

2. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chính đã xây dựng trước ngày 01 tháng 8 năm 2024.

Điều 17. Chuyển đổi dữ liệu địa chính

1. Lập mô hình chuyển đổi cấu trúc dữ liệu của cơ sở dữ liệu địa chính đã xây dựng sang cấu trúc dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Chuyển đổi, bổ sung dữ liệu không gian đất đai nền:

a) Tách, lọc và chuyển đổi dữ liệu không gian đất đai nền từ dữ liệu không gian của cơ sở dữ liệu địa chính đã có;

b) Xây dựng, bổ sung lớp tim đường cho lớp giao thông dạng vùng trong trường hợp chưa có lớp dữ liệu tim đường theo phân cấp đường giao thông. Lớp dữ liệu tim đường được xác định là đường trung tâm (center line) của đối tượng đường giao thông;

c) Đối với những khu vực chưa có cơ sở dữ liệu không gian địa chính thì tiến hành xây dựng mới dữ liệu không gian đất đai nền theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này để đảm bảo dữ liệu không gian đất đai nền được phủ kín phạm vi đơn vị hành chính cấp xã.

3. Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu không gian địa chính.

4. Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu thuộc tính địa chính.

5. Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu phi cấu trúc về địa chính.

Điều 18. Rà soát, bổ sung dữ liệu địa chính

1. Rà soát 100% số thửa đất đã thực hiện chuyển đổi theo quy định của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Bổ sung dữ liệu không gian địa chính.

3. Bổ sung dữ liệu thuộc tính địa chính.

4. Xây dựng bổ sung dữ liệu của các thửa đất còn thiếu trong quá trình xây dựng cơ sở dữ liệu trước đây theo nội dung, cấu trúc dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Điều 19. Hoàn thiện dữ liệu địa chính

1. Thực hiện rà soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai sau khi chuyển đổi, bổ sung.

2. Thực hiện xuất sổ địa chính theo quy định đối với những thửa đất chưa có sổ địa chính hoặc nội dung đã thay đổi.

Điều 20. Xây dựng siêu dữ liệu địa chính

1. Chuyển đổi siêu dữ liệu địa chính theo mô hình chuyển đổi cấu trúc dữ liệu đã lập quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư này.

2. Thu nhận các thông tin cần thiết để bổ sung thông tin cho siêu dữ liệu địa chính.

3. Nhập bổ sung thông tin cho siêu dữ liệu địa chính theo từng đơn vị hành chính cấp xã đối với phạm vi cơ sở dữ liệu địa chính đã được xây dựng và được

cập nhật khi có thay đổi thông tin. Nội dung thông tin siêu dữ liệu địa chính cần nhập bổ sung cụ thể như sau:

a) Nhóm thông tin chung: được nhập theo phạm vi cơ sở dữ liệu đất đai đã được xây dựng và theo từng đơn vị hành chính cấp xã;

b) Nhóm thông tin mô tả hệ quy chiếu tọa độ: được nhập theo phạm vi cơ sở dữ liệu đất đai đã được xây dựng và theo từng đơn vị hành chính cấp xã;

c) Thông tin mô tả về dữ liệu không gian đất đai: nhập theo nhóm gồm một hoặc nhiều thửa đất mà dữ liệu không gian có chung một kiểu dữ liệu không gian, nguồn gốc tài liệu đầu vào và phương pháp đo đạc;

d) Nhóm thông tin mô tả về dữ liệu thuộc tính đất đai: được nhập theo nhóm gồm một hoặc nhiều thửa đất mà dữ liệu được nhập từ cùng một loại tài liệu, hồ sơ đầu vào theo nguồn tài liệu được sử dụng để xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 của Thông tư này;

đ) Nhóm thông tin mô tả về dữ liệu phi cấu trúc đất đai được nhập theo nhóm gồm một hoặc nhiều thửa đất có chung một định dạng dữ liệu, một nguồn gốc dữ liệu (bản giấy, file số);

e) Nhóm thông tin mô tả chất lượng dữ liệu được nhập theo nhóm gồm một hoặc nhiều thửa đất theo các tiêu chí về tính đồng bộ dữ liệu, nguồn dữ liệu đầu vào và mức độ đầy đủ thông tin. Phương pháp đánh giá, tiêu chí đánh giá được lập thành bảng thông tin mô tả chất lượng dữ liệu của siêu dữ liệu địa chính theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Nhóm thông tin mô tả phương thức chia sẻ dữ liệu đất đai được nhập khi thực hiện xuất một tập dữ liệu gồm một hoặc nhiều thửa đất để chia sẻ, trao đổi dữ liệu.

Điều 21. Đối soát, tích hợp dữ liệu vào hệ thống

Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc sau:

1. Đối soát thông tin của thửa đất trong cơ sở dữ liệu đã được chuyển đổi, bổ sung với nguồn tài liệu, dữ liệu đã sử dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu đối với trường hợp phải xuất mới sổ địa chính.

2. Thực hiện ký số sổ địa chính đối với trường hợp phải xuất mới sổ địa chính.

3. Tích hợp dữ liệu sau khi chuyển đổi, bổ sung vào hệ thống đang quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương.

Việc đối soát, tích hợp, ký số vào sổ địa chính phải được thực hiện sau khi nhận được sản phẩm bàn giao của đơn vị thi công để kịp thời đưa vào quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 22. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu địa chính

1. Đơn vị thi công có trách nhiệm:

a) Chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu;

b) Tổng hợp, xác định khối lượng sản phẩm đã thực hiện theo công đoạn công trình và kết thúc công trình;

c) Lập biên bản bàn giao dữ liệu đã chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu có trách nhiệm:

a) Thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu địa chính đã chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện theo quy định về công tác kiểm tra, nghiệm thu trong lĩnh vực quản lý đất đai;

b) Làm thủ tục xác nhận sản phẩm theo công đoạn công trình và kết thúc công trình.

Điều 23. Quy trình bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chính đã được xây dựng theo quy định của Thông tư số 75/2015/TT-BTNMT quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai

Đối với các cơ sở dữ liệu địa chính đã xây dựng theo quy định của Thông tư số 75/2015/TT-BTNMT quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai thì Văn phòng đăng ký đất đai tổ chức thực hiện việc rà soát bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chính theo quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai như sau:

1. Chuyển đổi nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu địa chính.

2. Rà soát, bổ sung dữ liệu không gian đất đai nền, dữ liệu không gian địa chính.

3. Rà soát, bổ sung dữ liệu thuộc tính địa chính.

4. Rà soát, bổ sung siêu dữ liệu địa chính.

Tiểu mục 3
QUY TRÌNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THỰC HIỆN ĐỒNG BỘ VỚI LẬP, CHỈNH LÝ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH, ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Điều 24. Công tác chuẩn bị

Công tác chuẩn bị cho xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính được thực hiện lồng ghép với từng bước công việc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn thi công, bao gồm:

a) Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực, lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan.

b) Chuẩn bị địa điểm và nhân lực thực hiện của từng bước công việc của công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, phần mềm.

Điều 25. Thu thập tài liệu, dữ liệu

1. Thu thập tài liệu của công tác lập, chỉnh lý bản đồ địa chính để phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu.

2. Thu thập tài liệu của công tác đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận để phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính.

Điều 26. Xây dựng dữ liệu không gian gắn với đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính

Việc xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền và dữ liệu không gian địa chính cần được thực hiện lồng ghép trong quá trình đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính như sau:

1. Khi biên tập, in bản đồ địa chính theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã thì thực hiện việc xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền và dữ liệu không gian địa chính theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Thông tư này.

2. Khi giao nộp sản phẩm đo đạc địa chính phải đồng thời giao nộp sản phẩm dữ liệu không gian đất đai nền và dữ liệu không gian địa chính cho chủ đầu tư.

3. Dữ liệu không gian đất đai nền và dữ liệu không gian địa chính sau khi giao nộp phải tích hợp vào hệ thống để phục vụ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận và các mục đích quản lý đất đai khác theo quy định.

Điều 27. Xây dựng dữ liệu thuộc tính, dữ liệu phi cấu trúc về địa chính gắn với đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận

1. Việc xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính, dữ liệu phi cấu trúc về địa chính được thực hiện đồng thời trong quá trình đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận.

2. Dữ liệu thuộc tính địa chính được nhập vào cơ sở dữ liệu cùng với quá trình đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận.

3. Hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận được quét, tạo liên kết và lưu trữ vào dữ liệu phi cấu trúc về địa chính.

Điều 28. Hoàn thiện dữ liệu địa chính

1. Thực hiện rà soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu địa chính tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Thực hiện xuất sổ địa chính theo định dạng tệp tin PDF.

Điều 29. Xây dựng siêu dữ liệu địa chính

1. Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) địa chính.

2. Nhập thông tin siêu dữ liệu địa chính. Siêu dữ liệu địa chính được lập theo đơn vị hành chính cấp xã đối với phạm vi cơ sở dữ liệu địa chính đã được xây dựng và được cập nhật khi có thay đổi thông tin. Nội dung thông tin siêu dữ liệu địa chính cần nhập cụ thể như sau:

a) Nhóm thông tin chung: được nhập theo phạm vi cơ sở dữ liệu đất đai đã được xây dựng và theo từng đơn vị hành chính cấp xã;

b) Nhóm thông tin mô tả hệ quy chiếu tọa độ: được nhập theo phạm vi cơ sở dữ liệu đất đai đã được xây dựng và theo từng đơn vị hành chính cấp xã;

c) Thông tin mô tả về dữ liệu không gian đất đai: nhập theo nhóm gồm một hoặc nhiều thửa đất mà dữ liệu không gian có chung một kiểu dữ liệu không gian, nguồn gốc tài liệu đầu vào và phương pháp đo đạc;

d) Nhóm thông tin mô tả về dữ liệu thuộc tính đất đai: được nhập theo nhóm gồm một hoặc nhiều thửa đất mà dữ liệu được nhập từ cùng một loại tài liệu, hồ sơ đầu vào theo nguồn tài liệu được sử dụng để xây dựng dữ liệu thuộc tính địa chính quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 của Thông tư này;

đ) Nhóm thông tin mô tả về dữ liệu phi cấu trúc đất đai được nhập theo nhóm gồm một hoặc nhiều thửa đất có chung một định dạng dữ liệu, một nguồn gốc dữ liệu (bản giấy, file số);

e) Nhóm thông tin mô tả chất lượng dữ liệu được nhập theo nhóm gồm một hoặc nhiều thửa đất về nội dung đánh giá về mức độ đầy đủ của thông tin của thửa đất, trong đó nêu rõ mức độ đánh giá và kết quả đánh giá. Phương pháp đánh giá, tiêu chí đánh giá được lập thành bảng thông tin mô tả chất lượng dữ liệu của siêu dữ liệu địa chính theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Nhóm thông tin mô tả phương thức chia sẻ dữ liệu đất đai được nhập khi thực hiện xuất một tập dữ liệu gồm một hoặc nhiều thửa đất để chia sẻ, trao đổi dữ liệu.

Điều 30. Đối soát, tích hợp dữ liệu vào hệ thống

Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc sau:

1. Đối soát thông tin của thửa đất trong cơ sở dữ liệu với nguồn tài liệu, dữ liệu đã sử dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu.

2. Thực hiện ký số sổ địa chính đối với những thửa đất chưa có sổ địa chính. Đối với các thửa đất đã có sổ địa chính thì sử dụng sổ địa chính đã có; ký số vào các tài liệu quét của dữ liệu phi cấu trúc.

3. Tích hợp dữ liệu đã được đối soát vào hệ thống đang quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương.

Việc đối soát, tích hợp, ký số vào sổ địa chính phải được thực hiện sau khi nhận được sản phẩm bàn giao của đơn vị thi công để kịp thời đưa vào quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 31. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu địa chính

1. Đơn vị thi công có trách nhiệm:

a) Chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu;

b) Tổng hợp, xác định khối lượng sản phẩm đã thực hiện theo công đoạn công trình và kết thúc công trình;

c) Lập biên bản bàn giao dữ liệu theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu có trách nhiệm:

a) Thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu địa chính theo quy định về công tác kiểm tra, nghiệm thu trong lĩnh vực quản lý đất đai;

b) Làm thủ tục xác nhận sản phẩm theo công đoạn công trình và kết thúc công trình.

Mục 2
QUY TRÌNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ, BẢO VỆ, CẢI TẠO, PHỤC HỒI ĐẤT

Điều 32. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

2. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

Điều 33. Thu thập tài liệu, dữ liệu

1. Thu thập các tài liệu, dữ liệu:

a) Tài liệu, dữ liệu về điểm điều tra phẫu diện, điểm lấy mẫu;

b) Tài liệu, dữ liệu kết quả đánh giá chất lượng đất cấp tỉnh; tài liệu, dữ liệu kết quả đánh giá tiềm năng đất đai cấp tỉnh; tài liệu, dữ liệu kết quả đánh

giá thoái hóa đất cấp tỉnh; tài liệu, dữ liệu kết quả đánh giá điểm ô nhiễm đất cấp tỉnh; tài liệu, dữ liệu phạm vi ảnh hưởng ô nhiễm đất cấp tỉnh;

c) Tài liệu, dữ liệu xử lý, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất;

d) Tài liệu, dữ liệu kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất theo từng khu vực;

đ) Bản mô tả kết quả, điều tra khoanh đất nông nghiệp; bản mô tả kết quả điều tra các loại hình thoái hóa; bản mô tả kết quả điều tra điểm lấy mẫu ô nhiễm đất; bản mô tả cảnh quan khu vực quan trắc chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất; bản mô tả khu vực bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất, bản mô tả điểm điều tra bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất;

e) Tập ảnh cảnh quan, ảnh mặt cắt phẫu diện đất (chất lượng đất), tập ảnh cảnh quan khu vực, ảnh điểm điều tra (thoái hóa đất), tập ảnh cảnh quan khu vực, ảnh điểm điều tra (ô nhiễm đất), tập ảnh cảnh quan khu vực, ảnh điểm điều tra (bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất);

g) Tập bản tả phẫu diện đất (đối với chất lượng đất), tập bản tả phẫu diện đất (đối với bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất);

h) Kết quả phân tích mẫu đất;

i) Các báo cáo tổng hợp, các biểu mẫu về chất lượng đất, tiềm năng đất đai, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất;

k) Các quyết định phê duyệt kết quả về chất lượng đất, tiềm năng đất đai, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

2. Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa.

Điều 34. Xây dựng dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất:

a) Tách, lọc các đối tượng từ nội dung các lớp dữ liệu;

b) Chuẩn hóa các lớp đối tượng các lớp dữ liệu;

c) Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất còn thiếu (nếu có);

d) Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

2. Chuyển đổi và tích hợp dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất:

a) Chuyển đổi các lớp dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất từ tệp (file) bản đồ số vào cơ sở dữ liệu đất đai;

b) Rà soát dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau.

Điều 35. Xây dựng dữ liệu thuộc tính điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Dữ liệu thuộc tính kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất bao gồm:

a) Dữ liệu về quản lý bộ số liệu kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh;

b) Dữ liệu về phiếu điều tra, đánh giá đất đai cấp tỉnh.

2. Nhập dữ liệu thuộc tính điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

3. Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số thì thực hiện như sau:

a) Lập mô hình chuyển đổi cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất;

b) Chuyển đổi vào cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

Điều 36. Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất là các tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất không có cấu trúc được quét (scan) thành các tập tin PDF để quản lý, khai thác, sử dụng.

2. Quét các giấy tờ của bộ số liệu, tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất. Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với định dạng PDF, phiên bản 1.4 trở lên; độ phân giải tối thiểu: 200 dpi; tỷ lệ số hóa: 100%.

3. Xử lý các tệp tin quét thành các tệp tin theo quy định về dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất phi cấu trúc; lưu trữ dưới định dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được); chất lượng hình ảnh số phải sắc nét và rõ ràng, các hình ảnh được sắp xếp theo cùng một hướng, hình ảnh phải được quét vuông góc, không được cong vênh.

4. Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất với các đối tượng không gian.

5. Đối với tài liệu đã có ở dạng số mà không liên kết với các đối tượng không gian thì tạo danh mục tra cứu dữ liệu phi cấu trúc trong cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

6. Vận chuyển, bàn giao tài liệu cho đơn vị quản lý hồ sơ, tài liệu.

Điều 37. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Đối soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Xây dựng siêu dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

a) Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu;

b) Nhập thông tin siêu dữ liệu.

Điều 38. Tích hợp dữ liệu vào hệ thống

Thực hiện tích hợp dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất đã được đối soát vào hệ thống đang quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương. Việc tích hợp dữ liệu phải được thực hiện sau khi nhận được sản phẩm bàn giao để kịp thời đưa vào quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 39. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu. Lập biên bản bàn giao dữ liệu theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này. Đóng gói giao nộp cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất theo quy định về công tác kiểm tra, nghiệm thu trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Mục 3
QUY TRÌNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 40. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thi công.

2. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 41. Thu thập tài liệu, dữ liệu

1. Tài liệu, dữ liệu được thu thập cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh gồm: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; báo cáo thuyết minh tổng hợp; bản đồ hiện trạng sử dụng đất; bản đồ quy hoạch sử dụng đất và bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất; bản đồ chuyên đề.

2. Tài liệu, dữ liệu được thu thập cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện gồm: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; báo cáo thuyết minh tổng hợp; bản đồ hiện trạng sử dụng đất; bản đồ quy hoạch sử dụng đất và bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và bản đồ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện; bản đồ quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu (nếu có).

3. Tài liệu, dữ liệu được thu thập cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này của kỳ gần nhất và các kỳ trước tính từ năm 2010.

4. Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa.

Điều 42. Rà soát, đánh giá, phân loại tài liệu, dữ liệu

1. Rà soát, đánh giá mức độ đầy đủ về các thành phần, nội dung của tài liệu, dữ liệu; xác định được thời gian xây dựng, mức độ đầy đủ thông tin của từng tài liệu, dữ liệu để lựa chọn sử dụng cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Tài liệu để xây dựng dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gồm: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, báo cáo thuyết minh tổng hợp, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất và bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, bản đồ kế hoạch sử dụng đất, bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu và hàng năm, bản đồ quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu (nếu có), bản đồ chuyên đề (nếu có), các bảng, biểu số liệu của kỳ gần nhất và các kỳ quy hoạch trước tính từ năm 2010.

2. Lập báo cáo kết quả thực hiện tại khoản 1 Điều này và lựa chọn tài liệu, dữ liệu nguồn.

Điều 43. Xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

a) Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với nội dung tương ứng trong bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng cần thiết từ nội dung bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

b) Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

c) Rà soát, chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Chuyển đổi và tích hợp không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

a) Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của bản đồ vào cơ sở dữ liệu đất đai theo đơn vị hành chính;

b) Nhập bổ sung các trường thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

c) Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau. Trường hợp có mâu thuẫn cần xử lý đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan, thống kê kết quả xử lý các đối tượng còn mâu thuẫn thành bảng kết quả xử lý biên các đối tượng còn mâu thuẫn theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 44. Xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Nhập dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gồm:

1. Nhóm dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh:

a) Dữ liệu về quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;

b) Dữ liệu về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

2. Nhóm dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện:

a) Dữ liệu về quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;

b) Dữ liệu về kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Điều 45. Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là các tài liệu về Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, báo cáo thuyết minh tổng hợp, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các bảng, biểu số liệu của kỳ gần nhất và các kỳ quy hoạch trước tính từ năm 2010 không có cấu trúc được quét (scan) thành các tập tin PDF để quản lý, khai thác, sử dụng.

2. Quét các giấy tờ của bộ số liệu, tài liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với định dạng PDF, phiên bản 1.4 trở lên; độ phân giải tối thiểu: 200 dpi; tỷ lệ số hóa: 100%.

3. Xử lý các tệp tin quét thành các tệp tin theo quy định về dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phi cấu trúc; lưu trữ dưới định dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được); chất lượng hình ảnh số phải sắc nét và rõ ràng, các hình ảnh được sắp xếp theo cùng một hướng, hình ảnh phải được quét vuông góc, không được cong vênh.

4. Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với các đối tượng không gian.

4. Đối với tài liệu dạng số mà không liên kết với các đối tượng không gian thì tạo danh mục tra cứu dữ liệu phi cấu trúc trong cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

6. Vận chuyển, bàn giao tài liệu cho đơn vị quản lý hồ sơ, tài liệu.

Điều 46. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Đối soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Xây dựng siêu dữ liệu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

a) Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu;

b) Nhập thông tin siêu dữ liệu.

Điều 47. Tích hợp dữ liệu vào hệ thống

Thực hiện tích hợp dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được đối soát vào hệ thống đang quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương. Việc tích hợp dữ liệu phải được thực hiện sau khi nhận được sản phẩm bàn giao để kịp thời đưa vào quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 48. Kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu. Lập biên bản bàn giao dữ liệu theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định về công tác kiểm tra, nghiệm thu trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Mục 4
QUY TRÌNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU GIÁ ĐẤT

Điều 49. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất trên địa bàn thi công.

2. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất.

Điều 50. Thu thập tài liệu, dữ liệu

1. Tài liệu, dữ liệu được thu thập cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất gồm:

a) Tài liệu về quyết định giá đất và các tài liệu liên quan: quyết định hệ số điều chỉnh giá; giá đất cụ thể cho các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 160 Luật Đất đai; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; quyết định công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất; phiếu điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về giá đất;

b) Tài liệu về bảng giá đất: quyết định ban hành bảng giá đất; quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất; dữ liệu về bảng giá đất theo khu vực, vị trí;

c) Dữ liệu về vùng giá trị; dữ liệu về thửa đất chuẩn; dữ liệu về bảng giá đất đến từng thửa đất trên cơ sở vùng giá trị, thửa đất chuẩn;

d) Dữ liệu về giá thửa đất: là giá của thửa đất được xác định trong các trường hợp: giá đất cụ thể; giá đất trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; giá đất trúng đấu giá; giá đất thu thập thông qua điều tra khảo sát; giá giao dịch bất động sản thông qua hoạt động công chứng, chứng thực được tổng hợp từ dữ liệu về thị trường bất động sản tại địa phương.

2. Tài liệu, dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này là các tài liệu, dữ liệu được hình thành sau ngày 01 tháng 7 năm 2014.

3. Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa.

Điều 51. Rà soát, đánh giá, phân loại tài liệu, dữ liệu

1. Rà soát, đánh giá, phân loại:

a) Nội dung rà soát, đánh giá phải xác định được thời gian xây dựng, mức độ đầy đủ thông tin của từng tài liệu, dữ liệu để lựa chọn sử dụng cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất;

b) Phân loại, lựa chọn tài liệu để xây dựng dữ liệu giá đất gồm: quyết định ban hành bảng giá đất; quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất; quyết định ban hành hệ số điều chỉnh giá đất; quyết định phê duyệt giá đất cụ thể; quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất; phiếu thu thập thông tin về thửa đất; phiếu chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính của thửa đất; thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính của thửa đất;

2. Lập báo cáo kết quả thực hiện tại khoản 1 Điều này.

Điều 52. Xây dựng dữ liệu không gian giá đất

1. Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian giá đất:

a) Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian giá đất: lớp vùng giá trị; lớp thửa đất chuẩn; lớp dữ liệu thửa đất cụ thể;

b) Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian giá đất theo quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Chuyển đổi và tích hợp không gian giá đất:

a) Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian giá đất vào cơ sở dữ liệu đất đai theo đơn vị hành chính;

b) Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau.

Điều 53. Xây dựng dữ liệu thuộc tính giá đất

Nhập dữ liệu thuộc tính giá đất vào cơ sở dữ liệu giá đất gồm:

1. Dữ liệu về quyết định giá đất.

2. Dữ liệu về bảng giá đất.

3. Dữ liệu về giá thửa đất: dữ liệu về giá đất được xác định trong các trường hợp: giá đất cụ thể; giá đất trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; giá đất trúng đấu giá; giá đất thu thập thông qua điều tra khảo sát, phiếu thu thập thông tin về thửa đất.

Trường hợp địa phương đã ban hành bảng giá đất đến từng thửa đất thì thực hiện lập mô hình chuyển đổi và chuyển đổi dữ liệu vào cơ sở dữ liệu.

4. Dữ liệu vị trí thửa đất, tên đường, phố hoặc tên đoạn đường, đoạn phố hoặc khu vực theo bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất (đối với thửa đất đã có phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai).

Điều 54. Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về giá đất

1. Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về giá đất bao gồm quyết định ban hành bảng giá đất, quyết định điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất, quyết định ban hành hệ số điều chỉnh giá đất, quyết định phê duyệt giá đất cụ thể, quyết định công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, phiếu thu thập thông tin về thửa đất không có cấu trúc được quét (scan) thành các tập tin PDF để quản lý, khai thác, sử dụng.

2. Quét các giấy tờ của bộ tài liệu về giá đất. Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với định dạng PDF, phiên bản 1.4 trở lên; độ phân giải tối thiểu: 200 dpi; tỷ lệ số hóa: 100%.

3. Xử lý tệp tin quét thành các tệp tin theo quy định về dữ liệu giá đất phi cấu trúc; lưu trữ dưới định dạng tệp tin PDF; chất lượng hình ảnh số sắc nét và rõ ràng, các hình ảnh được sắp xếp theo cùng một hướng, hình ảnh phải được quét vuông góc, không được cong vênh.

4. Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về giá đất với các đối tượng không gian.

5. Đối với các tài liệu dạng số mà không liên kết với các đối tượng không gian thì tạo danh mục tra cứu dữ liệu phi cấu trúc trong cơ sở dữ liệu giá đất.

6. Vận chuyển, bàn giao tài liệu cho đơn vị quản lý hồ sơ, tài liệu.

Điều 55. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu giá đất

1. Đối soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu giá đất tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Xây dựng siêu dữ liệu giá đất

a) Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu;

b) Nhập thông tin siêu dữ liệu.

Điều 56. Tích hợp dữ liệu vào hệ thống

Thực hiện tích hợp dữ liệu giá đất đã được đối soát vào hệ thống đang quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương. Việc tích hợp dữ liệu phải được thực hiện sau khi nhận được sản phẩm bàn giao để kịp thời đưa vào quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 57. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu giá đất

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu. Lập biên bản bàn giao dữ liệu theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu giá đất theo quy định về công tác kiểm tra, nghiệm thu trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Mục 5
QUY TRÌNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU THỐNG KÊ, KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI

Điều 58. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai trên địa bàn thi công.

2. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

Điều 59. Thu thập tài liệu, dữ liệu

1. Tài liệu, dữ liệu được thu thập cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai gồm:

a) Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các kỳ kiểm kê từ năm 2000, bản đồ kiểm kê đất đai của kỳ kiểm kê gần nhất;

b) Các báo cáo, biểu, bảng số liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ năm 2000;

c) Dữ liệu, tài liệu kiểm kê theo chuyên đề (nếu có).

2. Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa.

Điều 60. Rà soát, đánh giá, phân loại tài liệu, dữ liệu

1. Rà soát, đánh giá mức độ đầy đủ về các thành phần, nội dung của tài liệu, dữ liệu; xác định được thời gian xây dựng, mức độ đầy đủ thông tin của từng tài liệu, dữ liệu để lựa chọn sử dụng cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

Kết quả rà soát phải phân loại được từng loại tài liệu, dữ liệu sử dụng để xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai và xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai theo quy định sau:

a) Tài liệu để xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai gồm: bản đồ kiểm kê đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

b) Tài liệu để xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai gồm: báo cáo, bảng, biểu số liệu thống kê, kiểm kê đất đai (đối với cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) và bảng liệt kê danh sách các khoanh đất thống kê, kiểm kê đất đai (đối với cấp xã).

2. Lập báo cáo kết quả thực hiện tại khoản 1 Điều này và lựa chọn tài liệu, dữ liệu nguồn.

Điều 61. Xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai

1. Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai:

a) Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản đồ kiểm kê đất đai và lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản đồ hiện trạng sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

b) Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai chưa phù hợp với quy định của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

c) Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kiểm kê đất đai theo quy định của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian kiểm kê đất đai còn thiếu (nếu có).

2. Chuyển đổi và tích hợp dữ liệu không gian kiểm kê đất đai:

a) Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai từ tệp (file) bản đồ số của bản đồ kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất vào cơ sở dữ liệu theo đơn vị hành chính;

b) Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau. Trường hợp có mâu thuẫn cần xử lý đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan, kết quả xử lý các đối tượng còn mâu thuẫn được lập thành bảng kết quả xử lý biên các đối tượng còn mâu thuẫn theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.

Điều 62. Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai

Nhập dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai gồm:

1. Nhóm dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp tỉnh:

a) Dữ liệu về quản lý bộ số liệu cấp tỉnh;

b) Dữ liệu về thông tin thống kê, kiểm kê cấp tỉnh;

c) Dữ liệu về số liệu thống kê, kiểm kê cấp tỉnh.

2. Nhóm dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp huyện:

a) Dữ liệu về quản lý bộ số liệu cấp huyện;

b) Dữ liệu về tài liệu thống kê, kiểm kê cấp huyện;

c) Dữ liệu về số liệu thống kê, kiểm kê cấp huyện.

3. Nhóm dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp xã:

a) Dữ liệu về quản lý bộ số liệu cấp xã;

b) Dữ liệu về tài liệu thống kê, kiểm kê cấp xã;

c) Dữ liệu về số liệu thống kê, kiểm kê cấp xã.

4. Nhóm dữ liệu kiểm kê đất đai chuyên đề.

Điều 63. Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai

1. Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai là các tài liệu về thống kê, kiểm kê đất đai không có cấu trúc được quét (scan) thành các tập tin PDF để quản lý, khai thác, sử dụng.

2. Quét các giấy tờ đưa vào cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai. Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với định dạng PDF, phiên bản 1.4 trở lên; độ phân giải tối thiểu: 200 dpi; tỷ lệ số hóa: 100%.

3. Xử lý các tệp tin quét thành các tệp tin theo quy định về dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai phi cấu trúc; lưu trữ dưới định dạng tệp tin PDF; chất lượng hình ảnh số sắc nét và rõ ràng, các hình ảnh được sắp xếp theo cùng một hướng, hình ảnh phải được quét vuông góc, không được cong vênh.

4. Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai với các đối tượng không gian.

5. Đối với các tài liệu dạng số mà không liên kết với các đối tượng không gian thì tạo danh mục tra cứu dữ liệu phi cấu trúc trong cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

6. Vận chuyển, bàn giao tài liệu cho đơn vị quản lý hồ sơ, tài liệu.

Điều 64. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai

1. Đối soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai

a) Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu;

b) Nhập thông tin siêu dữ liệu.

Điều 65. Tích hợp dữ liệu vào hệ thống

Thực hiện tích hợp dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai đã được đối soát vào hệ thống đang quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương. Việc tích hợp dữ liệu phải được thực hiện sau khi nhận được sản phẩm bàn giao để kịp thời đưa vào quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 66. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu. Lập biên bản bàn giao dữ liệu theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai theo quy định về công tác kiểm tra, nghiệm thu trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Chương III
QUY TRÌNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI DO CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG TỔ CHỨC XÂY DỰNG, QUẢN LÝ

Mục 1
QUY TRÌNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ, BẢO VỆ, CẢI TẠO, PHỤC HỒI ĐẤT

Điều 67. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

2. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

Điều 68. Thu thập tài liệu, dữ liệu

1. Thu thập các tài liệu, dữ liệu:

a) Tài liệu, dữ liệu điểm điều tra phẫu diện, điểm lấy mẫu, điểm quan trắc;

b) Tài liệu, dữ liệu kết quả đánh giá chất lượng đất cả nước, cấp vùng; tài liệu, dữ liệu kết quả đánh giá tiềm năng đất đai cả nước, cấp vùng; tài liệu, dữ liệu kết quả đánh giá thoái hóa đất đai cả nước, cấp vùng; tài liệu, dữ liệu kết quả đánh giá điểm ô nhiễm đất đai cả nước, cấp vùng; tài liệu, dữ liệu phạm vi ảnh hưởng ô nhiễm đất đai cả nước, cấp vùng; tài liệu, dữ liệu kết quả quan trắc chất lượng đất, thoái hóa đất và ô nhiễm đất cả nước, cấp vùng;

c) Tài liệu, dữ liệu xử lý, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất;

d) Tài liệu, dữ liệu kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất theo từng khu vực;

đ) Bản mô tả kết quả, điều tra khoanh đất nông nghiệp; bản mô tả kết quả điều tra các loại hình thoái hóa; bản mô tả kết quả điều tra điểm lấy mẫu ô nhiễm đất; bản mô tả cảnh quan khu vực quan trắc chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất; bản mô tả khu vực bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất, bản mô tả điểm điều tra bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất;

e) Tập ảnh cảnh quan, ảnh mặt cắt phẫu diện đất (chất lượng đất); tập ảnh cảnh quan khu vực, ảnh điểm điều tra (thoái hóa đất); tập ảnh cảnh quan khu vực, ảnh điểm điều tra (ô nhiễm đất); tập ảnh cảnh quan khu vực, ảnh điểm điều tra (quan

trắc chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất); tập ảnh cảnh quan khu vực, ảnh điểm điều tra (bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất);

g) Tập bản tả phẫu diện đất (đối với chất lượng đất), tập bản tả phẫu diện đất (đối với bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất);

h) Kết quả phân tích mẫu đất;

i) Các báo cáo tổng hợp, các biểu mẫu về chất lượng đất, tiềm năng đất đai, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, kết quả quan trắc chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất; kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất;

k) Các quyết định phê duyệt kết quả chất lượng đất, tiềm năng đất đai, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, quan trắc quan trắc chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

2. Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa.

Điều 69. Xây dựng dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất:

a) Tách, lọc các đối tượng từ nội dung các lớp dữ liệu;

b) Chuẩn hóa các lớp đối tượng các lớp dữ liệu;

c) Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất còn thiếu (nếu có);

d) Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

2. Chuyển đổi dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất:

a) Chuyển đổi các lớp dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất từ tệp (file) bản đồ số vào cơ sở dữ liệu đất đai;

b) Rà soát dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất để xử lý các lỗi dọc biên giữa các vùng kinh tế - xã hội.

Điều 70. Xây dựng dữ liệu thuộc tính điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Dữ liệu thuộc tính kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất bao gồm:

a) Dữ liệu về quản lý bộ số liệu kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước;

b) Dữ liệu về phiếu điều tra, đánh giá đất đai cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước.

2. Nhập dữ liệu thuộc tính điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

3. Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số thì thực hiện như sau:

a) Lập mô hình chuyển đổi cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất;

b) Chuyển đổi vào cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

Điều 71. Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất là các tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất không có cấu trúc được quét (scan) thành các tập tin PDF để quản lý, khai thác, sử dụng.

2. Quét các giấy tờ của bộ số liệu, tài liệu về kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất đưa vào cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất. Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với định dạng PDF, phiên bản 1.4 trở lên; độ phân giải tối thiểu: 200 dpi; tỷ lệ số hóa: 100%.

3. Xử lý các tệp tin quét thành các tệp tin theo quy định về dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất phi cấu trúc; lưu trữ dưới định dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được); chất lượng hình ảnh số phải sắc nét và rõ ràng, các hình ảnh được sắp xếp theo cùng một hướng, hình ảnh phải được quét vuông góc, không được cong vênh.

4. Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất với các đối tượng không gian.

5. Đối với các tài liệu dạng số mà không liên kết với các đối tượng không gian thì tạo danh mục tra cứu dữ liệu phi cấu trúc trong cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

6. Vận chuyển, bàn giao tài liệu cho đơn vị quản lý hồ sơ, tài liệu.

Điều 72. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Đối soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Xây dựng siêu dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất:

a) Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu;

b) Nhập thông tin siêu dữ liệu.

Điều 73. Tích hợp dữ liệu vào hệ thống

Thực hiện tích hợp dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai do trung ương quản lý. Việc tích hợp dữ liệu phải được thực hiện sau khi nhận được sản phẩm bàn giao để kịp thời đưa vào quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 74. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu. Đóng gói giao nộp cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất theo quy định về công tác kiểm tra, nghiệm thu trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Mục 2
QUY TRÌNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 75. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

3. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

Điều 76. Thu thập tài liệu, dữ liệu

1. Tài liệu, dữ liệu về Nghị quyết của Quốc hội, báo cáo thuyết minh tổng hợp.

2. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất và bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia, các vùng kinh tế - xã hội.

3. Bản đồ chuyên đề (nếu có).

4. Các tài liệu, dữ liệu và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan đến xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

5. Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa.

Điều 77. Xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất:

a) Tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ quy hoạch sử dụng đất;

b) Chuẩn hóa các lớp đối tượng bản đồ quy hoạch sử dụng đất;

c) Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian bản đồ quy hoạch sử dụng đất còn thiếu (nếu có);

d) Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất.

2. Chuyển đổi dữ liệu không gian quy hoạch sử dụng đất:

a) Chuyển đổi các lớp dữ liệu không gian quy hoạch sử dụng đất từ tệp (file) bản đồ số vào cơ sở dữ liệu đất đai;

b) Rà soát dữ liệu không gian quy hoạch sử dụng đất để xử lý các lỗi dọc biên giữa các vùng kinh tế - xã hội.

Điều 78. Xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số thì thực hiện như sau:

a) Lập mô hình chuyển đổi cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

b) Chuyển đổi vào cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 79. Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là các tài liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất không có cấu trúc được quét (scan) thành các tập tin PDF để quản lý, khai thác, sử dụng.

2. Quét các giấy tờ đưa vào cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với định dạng PDF, phiên bản 1.4 trở lên; độ phân giải tối thiểu: 200 dpi; tỷ lệ số hóa: 100%. Các tài liệu quét là sản phẩm dạng giấy của công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gồm: nghị quyết của Quốc hội, các báo cáo thuyết minh tổng hợp.

3. Xử lý tệp tin quét thành các tệp tin theo quy định về dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phi cấu trúc; lưu trữ dưới định dạng tệp tin PDF; chất lượng hình ảnh số sắc nét và rõ ràng, các hình ảnh được sắp xếp theo cùng một hướng, hình ảnh phải được quét vuông góc, không được cong vênh.

4. Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với các đối tượng không gian.

5. Đối với các tài liệu dạng số mà không liên kết với các đối tượng không gian thì tạo danh mục tra cứu dữ liệu phi cấu trúc trong cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

6. Vận chuyển, bàn giao tài liệu cho đơn vị quản lý hồ sơ, tài liệu.

Điều 80. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Đối soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Xây dựng siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

a) Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu;

b) Nhập thông tin siêu dữ liệu.

Điều 81. Tích hợp dữ liệu vào hệ thống

Thực hiện tích hợp dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai do trung ương quản lý. Việc tích hợp dữ liệu phải được thực hiện sau khi nhận được sản phẩm bàn giao để kịp thời đưa vào quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 82. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu. Đóng gói giao nộp cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định về công tác kiểm tra, nghiệm thu trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Mục 3
QUY TRÌNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU THỐNG KÊ, KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI

Điều 83. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

2. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

3. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

Điều 84. Thu thập tài liệu, dữ liệu

1. Tài liệu, dữ liệu báo cáo, biểu, bảng số liệu thống kê, kiểm kê đất đai các vùng kinh tế - xã hội và cả nước từ thời điểm năm 2000.

2. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các vùng kinh tế - xã hội và cả nước của kỳ kiểm kê gần nhất.

3. Bản đồ chuyên đề (nếu có).

4. Các tài liệu, dữ liệu và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan đến xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

5. Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa.

Điều 85. Xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai

1. Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian hiện trạng sử dụng đất:

a) Tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

b) Chuẩn hóa các lớp đối tượng bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

c) Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian bản đồ hiện trạng sử dụng đất còn thiếu (nếu có);

d) Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian hiện trạng sử dụng đất.

2. Chuyển dữ liệu không gian hiện trạng sử dụng đất:

a) Chuyển đổi các lớp dữ liệu không gian hiện trạng sử dụng đất từ tệp (file) bản đồ số vào cơ sở dữ liệu;

b) Rà soát dữ liệu không gian hiện trạng sử dụng đất để xử lý các lỗi dọc biên giữa các tỉnh, các vùng kinh tế - xã hội.

Điều 86. Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai

1. Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số thì thực hiện như sau:

a) Lập mô hình chuyển đổi cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai;

b) Chuyển đổi vào cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

Điều 87. Xây dựng dữ liệu đất đai phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai

1. Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai là các tài liệu về thống kê, kiểm kê đất đai không có cấu trúc được quét (scan) thành các tập tin PDF để quản lý, khai thác, sử dụng.

2. Quét các giấy tờ đưa vào cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai. Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với định dạng DPF, phiên bản 1.4 trở lên; độ phân giải tối thiểu: 200 dpi; tỷ lệ số hóa: 100%. Các tài liệu quét bao gồm: các báo cáo, biểu, bảng số liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp vùng và cả nước.

3. Xử lý các tệp tin quét hình thành tệp (file) hồ sơ quét tài liệu thống kê, kiểm kê đất đai dạng số, lưu trữ dưới định dạng tệp tin PDF; chất lượng hình ảnh số phải sắc nét và rõ ràng, các hình ảnh được sắp xếp theo cùng một hướng, hình ảnh phải được quét vuông góc, không được cong vênh.

4. Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết giữa dữ liệu phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai với các đối tượng không gian.

5. Đối với các tài liệu dạng số mà không liên kết với các đối tượng không gian thì tạo danh mục tra cứu dữ liệu phi cấu trúc trong cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

6. Vận chuyển, bàn giao tài liệu cho đơn vị quản lý hồ sơ, tài liệu.

Điều 88. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai

1. Đối soát đảm bảo 100% thông tin trong cơ sở dữ thống kê, kiểm kê đất đai tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Xây dựng siêu dữ liệu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai:

a) Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu;

b) Nhập thông tin siêu dữ liệu.

Điều 89. Tích hợp dữ liệu vào hệ thống

Thực hiện tích hợp dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai do trung ương quản lý. Việc tích hợp dữ liệu phải được thực hiện sau khi nhận được sản phẩm bàn giao để kịp thời đưa vào quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 90. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu. Đóng gói giao nộp cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai theo quy định về công tác kiểm tra, nghiệm thu trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Mục 4
QUY TRÌNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI

Tiểu mục 4.1
QUY TRÌNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG DỮ LIỆU HỒ SƠ ĐẤT ĐAI TẠI TRUNG ƯƠNG

Điều 91. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết.

2. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng dữ liệu hồ sơ đất đai tại trung ương.

Điều 92. Thu thập thông tin, dữ liệu

1. Tài liệu, dữ liệu thu thập cho việc xây dựng dữ liệu hồ sơ đất đai tại trung ương gồm:

a) Hồ sơ địa chính;

b) Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

c) Hồ sơ, tài liệu về các chương trình, dự án, đề án đất đai;

d) Hồ sơ, tài liệu đất đai khác có liên quan.

2. Sau khi thu thập thông tin, dữ liệu phải lập thành danh mục hồ sơ, tài liệu, dữ liệu theo biểu tổng hợp quy định theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Vận chuyển tài liệu thu thập đến địa điểm thực hiện số hóa.

Điều 93. Xây dựng dữ liệu thuộc tính

1. Nhập dữ liệu thuộc tính về hồ sơ đất đai tại trung ương theo quy định về nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Trường hợp hồ sơ đất đai đã được xây dựng theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường về thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường nhưng chưa theo cấu trúc dữ liệu hồ sơ đất đai thì thực hiện như sau:

a) Lập mô hình chuyển đổi cấu trúc dữ liệu hồ sơ đất đai;

b) Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu thuộc tính;

c) Nhập bổ sung các thông tin còn thiếu theo quy định về nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Điều 94. Xây dựng dữ liệu phi cấu trúc về hồ sơ đất đai

1. Dữ liệu phi cấu trúc về hồ sơ đất đai được thực hiện như sau:

a) Quét các tài liệu về hồ sơ đất đai đã được thu thập. Chế độ quét của thiết bị được thiết lập theo hệ màu RGB với định dạng tập tin PDF, phiên bản 1.4 trở lên; độ phân giải tối thiểu: 200 dpi; tỷ lệ số hóa: 100%;

b) Xử lý các tệp tin quét thành các tệp tin theo quy định về dữ liệu đất đai phi cấu trúc; lưu trữ dưới định dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được); chất lượng hình ảnh số phải sắc nét và rõ ràng, các hình ảnh được sắp xếp theo cùng một hướng, hình ảnh phải được quét vuông góc, không được cong vênh;

c) Nhập thông tin mô tả của dữ liệu phi cấu trúc và tạo liên kết với dữ liệu thuộc tính của hồ sơ đất đai;

d) Đơn vị lưu trữ hồ sơ đất đai tại trung ương ký, xác thực tài liệu bằng chữ ký số;

đ) Vận chuyển, bàn giao tài liệu cho đơn vị quản lý hồ sơ, tài liệu.

2. Trường hợp hồ sơ đất đai được xây dựng theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường về thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường nhưng chưa theo cấu trúc dữ liệu hồ sơ đất đai hoặc hồ sơ đất đai là văn bản, bảng biểu, sơ đồ, bản vẽ ở dạng số, tệp dữ liệu thì thực hiện theo các bước sau:

a) Lập mô hình chuyển đổi cấu trúc dữ liệu hồ sơ đất đai;

b) Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu phi cấu trúc;

c) Nhập bổ sung các thông tin còn thiếu theo quy định về nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

d) Tạo liên kết dữ liệu đất đai phi cấu trúc với dữ liệu thuộc tính hồ sơ đất đai;

đ) Ký, xác thực tài liệu bằng chữ ký số đối với trường hợp tài liệu chưa được ký số.

Điều 95. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu

1. Đối soát đảm bảo 100% thông tin của dữ liệu hồ sơ đất đai tại trung ương tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Xây dựng siêu dữ liệu hồ sơ đất đai tại trung ương:

a) Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu;

b) Nhập thông tin siêu dữ liệu.

Điều 96. Tích hợp dữ liệu vào hệ thống

Thực hiện tích hợp dữ liệu hồ sơ đất đai tại trung ương vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai do trung ương quản lý. Việc tích hợp dữ liệu phải được thực hiện sau khi nhận được sản phẩm bàn giao để kịp thời đưa vào quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 97. Kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu. Đóng gói giao nộp cơ sở dữ liệu hồ sơ đất đai.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu hồ sơ đất đai theo quy định về công tác kiểm tra, nghiệm thu trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Tiểu mục 4.2
QUY TRÌNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG DỮ LIỆU ĐỊA CHỈ SỐ CỦA THỬA ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Điều 98. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết.

2. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất.

Điều 99. Thu thập tài liệu, dữ liệu

1. Tài liệu, dữ liệu được thu thập cho việc xây dựng dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất gồm:

a) Dữ liệu không gian đất đai nền;

b) Cơ sở dữ liệu địa chính;

c) Dữ liệu nền địa lý quốc gia (các nhóm lớp biên giới, địa giới; giao thông; dân cư; thủy văn) tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000; 1:10.000;

d) Các tài liệu, số liệu khác có liên quan.

2. Đánh giá, lựa chọn tài liệu để xây dựng dữ liệu địa chỉ số của thửa đất.

Điều 100. Xây dựng dữ liệu không gian

1. Rà soát, bổ sung các lớp dữ liệu không gian thửa đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Xác định vị trí địa lý của địa chỉ số thửa đất và tài sản gắn liền với đất:

a) Xác định vị trí tọa độ X,Y của địa chỉ số thửa đất, tài sản trên đất từ dữ liệu không gian địa chính trên hệ tọa độ quốc gia VN-2000 kinh tuyến trục theo từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Xác định vị trí địa lý tọa độ kinh độ, vĩ độ trong hệ tọa độ quốc gia VN-2000;

c) Chuyển đổi tọa độ xác định vị trí địa lý của thửa đất, tài sản gắn liền với đất vào dữ liệu không gian địa chỉ số.

3. Xác định vị trí địa lý địa chỉ dẫn đường địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất:

a) Xác định vị trí địa địa chỉ dẫn đường địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất trên dữ liệu không gian đất đai nền, dữ liệu không gian địa chính trong hệ tọa độ quốc gia VN-2000;

b) Xác định vị trí địa lý tọa độ kinh độ, vĩ độ trong hệ tọa độ quốc gia VN-2000;

c) Chuyển đổi tọa độ xác định vị trí địa lý của địa chỉ số thửa đất và tài sản gắn liền với đất vào dữ liệu không gian địa chỉ số.

Điều 101. Xây dựng dữ liệu thuộc tính

1. Nhập thông tin thuộc tính của dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Nhập thông tin thuộc tính của địa chỉ dẫn đường của thửa đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Điều 102. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu

1. Đối soát đảm bảo 100% thông tin của dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Xây dựng siêu dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất:

a) Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu;

b) Nhập thông tin siêu dữ liệu.

Điều 103. Tích hợp dữ liệu vào hệ thống

Thực hiện tích hợp dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai do trung ương quản lý. Việc tích hợp dữ liệu phải được thực hiện sau khi nhận được sản phẩm bàn giao để kịp thời đưa vào quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 104. Kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu. Đóng gói giao nộp cơ sở dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất.

2. Đơn vị giám sát, kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định.

Tiểu mục 4.3.
QUY TRÌNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG DỮ LIỆU VỀ THÔNG TIN KẾT QUẢ ĐO ĐẠC LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Điều 105. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết.

2. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng dữ liệu về thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính.

Điều 106. Thu thập tài liệu, dữ liệu

Tài liệu, dữ liệu thu thập cho việc xây dựng dữ liệu về thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính gồm:

a) Lưới địa chính, điểm khống chế đo vẽ;

b) Bản đồ địa chính, mảnh trích đo bản đồ địa chính (nếu có);

c) Sổ mục kê đất đai;

d) Phân mảnh bản đồ địa chính, ranh giới khu đo.

Điều 107. Xây dựng dữ liệu không gian

1. Chuẩn hóa các lớp đối tượng ranh giới đo đạc lập bản đồ địa chính, phân mảnh bản đồ địa chính:

a) Tách, lọc các đối tượng từ nội dung các lớp dữ liệu;

b) Chuẩn hóa các lớp đối tượng các lớp dữ liệu;

c) Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian ranh giới đo đạc lập bản đồ địa chính, phân mảnh bản đồ địa chính còn thiếu (nếu có);

d) Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian ranh giới đo đạc lập bản đồ địa chính, phân mảnh bản đồ địa chính.

2. Chuyển đổi và tích hợp dữ liệu không gian ranh giới đo đạc lập bản đồ địa chính, phân mảnh bản đồ địa chính:

a) Chuyển đổi các lớp dữ liệu không gian thông tin ranh giới đo đạc lập bản đồ địa chính, phân mảnh bản đồ địa chính từ tệp (file) bản đồ số vào cơ sở dữ liệu đất đai;

b) Rà soát các lớp dữ liệu không gian ranh giới đo đạc lập bản đồ địa chính, phân mảnh bản đồ địa chính.

Điều 108. Xây dựng dữ liệu thuộc tính

Nhập dữ liệu thuộc tính về kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính theo quy định về nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Điều 109. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu

1. Đối soát đảm bảo 100% thông tin của dữ liệu về thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Xây dựng siêu dữ liệu về thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính:

a) Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu;

b) Nhập thông tin siêu dữ liệu.

Điều 110. Tích hợp dữ liệu vào hệ thống

Thực hiện tích hợp dữ liệu về thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai do trung ương quản lý. Việc tích hợp dữ liệu phải được thực hiện sau khi nhận được sản phẩm bàn giao để kịp thời đưa vào quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 111. Kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu và đóng gói giao nộp cơ sở dữ liệu.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu theo quy định về công tác kiểm tra, nghiệm thu trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Tiểu mục 4.4
QUY TRÌNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG DỮ LIỆU TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC SỞ HỮU NHÀ Ở TẠI VIỆT NAM; DỮ LIỆU VỀ GIẤY CHỨNG NHẬN BỊ THU HỒI, HUỶ

Điều 112. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết.

2. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng dữ liệu về tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam, dữ liệu thông tin về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy.

Điều 113. Thu thập tài liệu, dữ liệu

Tài liệu, dữ liệu cần thu thập gồm:

1. Tài liệu, dữ liệu thông tin về tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam;

2. Tài liệu, dữ liệu thông tin về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy do các địa phương báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 114. Xây dựng dữ liệu thuộc tính

1. Nhập dữ liệu thuộc tính về tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam theo quy định về nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Nhập dữ liệu thuộc tính về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy theo quy định về nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Điều 115. Xây dựng dữ liệu phi cấu trúc

1. Nhập thông tin dữ liệu phi cấu trúc theo quy định về nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Tạo liên kết dữ liệu đất đai phi cấu trúc với dữ liệu thuộc tính.

Điều 116. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu

1. Đối soát đảm bảo 100% thông tin của dữ liệu tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam; dữ liệu về giấy chứng nhận bị thu hồi, huỷ tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Xây dựng siêu dữ liệu tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam; dữ liệu về giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy:

a) Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu;

b) Nhập thông tin siêu dữ liệu.

Điều 117. Tích hợp dữ liệu vào hệ thống

Thực hiện tích hợp dữ liệu về tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam, dữ liệu thông tin về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai do trung ương quản lý. Việc tích hợp dữ liệu phải được thực hiện sau khi nhận được sản phẩm bàn giao để kịp thời đưa vào quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 118. Kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu. Đóng gói giao nộp dữ liệu tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam; dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng dữ liệu tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam; dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, huỷ theo quy định về công tác kiểm tra, nghiệm thu trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Tiểu mục 4.5
QUY TRÌNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG DỮ LIỆU TỔNG HỢP VỀ GIÁ ĐẤT

Điều 119. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết.

2. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng dữ liệu tổng hợp về giá đất.

Điều 120. Thu thập tài liệu, dữ liệu

Thực hiện thu thập tài liệu, dữ liệu tổng hợp về giá đất.

Điều 121. Xây dựng dữ liệu không gian

1. Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian:

a) Tách, lọc các đối tượng từ nội dung các lớp dữ liệu;

b) Chuẩn hóa các lớp đối tượng các lớp dữ liệu;

c) Rà soát, chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian.

2. Chuyển đổi và tích hợp dữ liệu không gian.

Điều 122. Xây dựng dữ liệu thuộc tính

Nhập dữ liệu thuộc tính tổng hợp về giá đất theo quy định về nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Điều 123. Đối soát, hoàn thiện dữ liệu và xây dựng siêu dữ liệu

1. Đối soát đảm bảo 100% thông tin dữ liệu tổng hợp về giá đất tuân thủ theo đúng quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Xây dựng siêu dữ liệu tổng hợp về giá đất:

a) Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu;

b) Nhập thông tin siêu dữ liệu.

Điều 124. Tích hợp dữ liệu vào hệ thống

Thực hiện tích hợp dữ liệu tổng hợp về giá đất vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai do trung ương quản lý. Việc tích hợp dữ liệu phải được thực hiện ngay sau khi nhận được sản phẩm bàn giao, để kịp thời phục vụ công tác quản lý, vận hành, khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 125. Kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu. Đóng gói giao nộp cơ sở dữ liệu hồ sơ đất đai.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng dữ liệu tổng hợp về giá đất theo quy định về công tác kiểm tra, nghiệm thu trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Tiểu mục 4.6
QUY TRÌNH KỸ THUẬT TÍCH HỢP CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ LÊN TRUNG ƯƠNG

Điều 126. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác tích hợp cơ sở dữ liệu đất đai của các tỉnh, thành phố lên trung ương.

2. Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc.

3. Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác tích hợp cơ sở dữ liệu đất đai của các tỉnh, thành phố lên trung ương.

Điều 127. Tiếp nhận dữ liệu từ cơ sở dữ liệu đất đai của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Khảo sát cơ sở dữ liệu đất đai đang vận hành ở địa phương; thống nhất phương thức các tỉnh, thành phố bàn giao dữ liệu để thực hiện tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Tiếp nhận dữ liệu từ cơ sở dữ liệu đất đai của các tỉnh, thành phố để thực hiện tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Điều 128. Lập mô hình chuyển đổi Cơ sở dữ liệu

Lập mô hình chuyển đổi cấu trúc dữ liệu của cơ sở dữ liệu đất đai đã xây dựng sang cấu trúc của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Điều 129. Chuyển đổi dữ liệu đất đai

1. Chuyển đổi dữ liệu không gian đất đai.

2. Chuyển đổi dữ liệu thuộc tính đất đai.

3. Chuyển đổi dữ liệu đất đai phi cấu trúc.

4. Chuyển đổi siêu dữ liệu đất đai.

Điều 130. Đối soát dữ liệu

1. Kiểm tra về nội dung dữ liệu để đảm bảo tính đồng bộ, toàn vẹn của nội dung sau khi chuyển đổi.

2. Đối soát giữa dữ liệu gốc tại cơ sở dữ liệu đất đai của các tỉnh, thành phố với dữ liệu sau khi được chuyển đổi vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, không trùng lặp dữ liệu sau khi chuyển đổi so với dữ liệu đất đai của tỉnh, thành phố đang được lưu trữ, quản lý tại trung ương.

3. Trường hợp dữ liệu không đạt yêu cầu để thực hiện tích hợp thì lập danh sách gửi địa phương hoàn thiện.

Điều 131. Tích hợp dữ liệu

Tích hợp dữ liệu sau khi chuyển đổi vào dữ liệu đất đai của tỉnh, thành phố đang được lưu trữ, quản lý tại Trung ương theo từng đợt bàn giao.

Điều 132. Kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm

1. Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu.

2. Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu thực hiện kiểm tra khối lượng, chất lượng cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định về công tác kiểm tra, nghiệm thu trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Chương IV
CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

Điều 133. Cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính

1. Cơ sở dữ liệu địa chính được cập nhật theo kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai.

2. Việc nhập thông tin vào cơ sở dữ liệu địa chính được thực hiện thông qua phần mềm ứng dụng của hệ thống thông tin đất đai.

3. Thông tin cập nhật phải đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất đồng thời trên các khối dữ liệu gồm: dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính, dữ liệu phi cấu trúc.

Điều 134. Cập nhật cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1. Cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất được cập nhật theo kết quả điều chỉnh trong kỳ sau khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thông tin cập nhật phải đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất đồng thời trên các khối dữ liệu gồm: dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính, dữ liệu phi cấu trúc.

Điều 135. Cập nhật cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cập nhật theo kết quả điều chỉnh trong kỳ sau khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thông tin cập nhật phải đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất đồng thời trên các khối dữ liệu gồm: dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính, dữ liệu phi cấu trúc.

Điều 136. Cập nhật cơ sở dữ liệu giá đất

1. Cơ sở dữ liệu giá đất được cập nhật trên cơ sở kết quả điều chỉnh, bổ sung bảng

giá đất; định giá đất cụ thể; trúng đấu giá quyền sử dụng đất; phiếu thu thập thông tin về thửa đất; phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai.

2. Thông tin cập nhật phải đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất đồng thời trên các khối dữ liệu gồm: dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính, dữ liệu phi cấu trúc.

Điều 137. Cập nhật cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai

1. Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai sử dụng đất được cập nhật theo kết quả điều chỉnh sau khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thông tin cập nhật phải đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất đồng thời trên các khối dữ liệu gồm: dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính, dữ liệu phi cấu trúc.

Điều 138. Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai khi có thay đổi, biến động về thông tin, dữ liệu mà không gắn với việc thực hiện thủ tục hành chính về đất đai

Đối với các trường hợp có thay đổi, biến động về thông tin, dữ liệu đất đai được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mà không gắn với việc thực hiện thủ tục hành chính về đất đai của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, việc cập nhật, chỉnh lý, bổ sung vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai được thực hiện như sau:

1. Cập nhật dữ liệu không gian địa chính theo bản đồ địa chính đã được chỉnh lý.

2. Cập nhật dữ liệu thuộc tính địa chính theo bộ hồ sơ địa chính đã được chỉnh lý.

3. Cập nhật bổ sung siêu dữ liệu đất đai cho dữ liệu địa chính.

4. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu địa chính.

5. Đối soát, tích hợp dữ liệu vào hệ thống đang quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương.

Điều 139. Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai từ các nguồn dữ liệu khác có liên quan đến đất đai

Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai từ các nguồn dữ liệu khác có liên quan đến đất đai được thực hiện như sau:

1. Tiếp nhận bộ dữ liệu từ các nguồn dữ liệu khác có liên quan đến đất đai qua theo quy định về định dạng trong trao đổi, chia sẻ dữ liệu đất đai.

2. Lập mô hình chuyển đổi cấu trúc dữ liệu của dữ liệu chia sẻ sang cấu trúc dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

3. Chuyển đổi dữ liệu.

4. Kiểm tra, rà soát 100% dữ liệu trước khi cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

5. Tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 140. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2025.

2. Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT ngày 25/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 141. Quy định chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ, dự án về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đã được phê duyệt, thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà có hạng mục công việc đã thực hiện và sản phẩm đã được nghiệm thu cấp đơn vị thi công thì tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo đối với nội dung công việc đã được nghiệm thu theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được phê duyệt mà không phải điều chỉnh lại theo quy định tại Thông tư này.

Điều 142. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai có trách nhiệm phổ biến, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phổ biến, chỉ đạo, thực hiện Thông tư này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm triển khai việc thực hiện Thông tư này ở địa phương.

Trong quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, quyết định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Minh Ngân

PHỤ LỤC I
MẪU BIỂU TỔNG HỢP TÀI LIỆU THU THẬP
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BTNMT ngày tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Loại tài liệu	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1	Tài liệu, số liệu đo đạc bản đồ địa chính			
1.1	…….			
1.2	……			
2	Tài liệu, số liệu đăng ký, cấp Giấy chứng nhận			
2.1	…….			
2.2	……			
3	Tài liệu, số liệu thống kê, kiểm kê đất đai			
3.1	…….			
3.2	……			
4	Tài liệu, số liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai			
4.1	…….			
4.2	……			
5	Tài liệu, số liệu giá đất			
5.1	…….			
5.2	……			
6	Tài liệu, số liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất			
6.1	…….			
6.2	……			

PHỤ LỤC II
MẪU BẢNG THỐNG KÊ PHÂN LOẠI THỬA ĐẤT
Xã….. huyện…… tỉnh…..

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BTNMT ngày tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Loại thửa đất	Số lượng	Ghi chú
1	Thửa đất loại A		
2	Thửa đất loại B		
3	Thửa đất loại C		
4	Thửa đất loại D		
5	Thửa đất loại E		
6	Thửa đất loại G		
7	Thửa đất loại H		

Ngày tháng năm

Đơn vị kiểm tra
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Đơn vị thi công
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Ghi chú:

1. Thửa đất loại A: Là thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận chưa có tài sản gắn liền với đất;

2. Thửa đất loại B: Là thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận có tài sản gắn liền với đất;

3.Thửa đất loại C: Là thửa đất được cấp chung một Giấy chứng nhận;

4.Thửa đất loại D: Căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại trong nhà chung cư, nhà hỗn hợp, công trình xây dựng, công trình ngầm, hạng mục của công trình xây dựng đã được cấp Giấy chứng nhận.

5.Thửa đất loại E: Thửa đất đã đăng ký đất đai nhưng chưa hoặc không được cấp Giấy chứng nhận.

6.Thửa đất loại G: Thửa đất đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận nhưng không thu thập được tài liệu theo yêu cầu để xây dựng cơ sở dữ liệu.

7.Thửa đất loại H: Thửa đất chưa đăng ký đất đai.

PHỤ LỤC III

MẪU BẢNG THỐNG KÊ THỬA ĐẤT CHỈNH LÝ BIẾN ĐỘNG - TIẾP BIÊN KHU ĐO KHÁC TỶ LỆ

Xã……. huyện……. tỉnh……..

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BTNMT ngày tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Số thửa	Số tờ bản đồ	Loại đất	Diện tích theo dữ liệu không gian	Diện tích (m^2)			Ghi chú
					Theo GCN	Tăng	Giảm	
1								
2								
3								

Ngày tháng năm

Đơn vị kiểm tra
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Đơn vị thi công
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Ghi chú:

1. Biểu thống kê được tổng hợp và gửi cho Văn phòng đăng ký đất đai để phục vụ cho việc theo dõi tình hình sử dụng đất khi có biến động đất đai;

2. Đối với các thửa đất được thống kê tại biểu trên cần tiến hành kiểm tra theo quy định khi có biến động đất đai;

3. Việc tăng, giảm diện tích phải được ghi chú rõ tăng, giảm và các thửa liền kề bị ảnh hưởng.

PHỤ LỤC IV

MẪU BẢNG KẾT QUẢ XỬ LÝ BIÊN CÁC ĐỐI TƯỢNG CÒN MÂU THUẪN

Xã……. huyện ….. tỉnh …..

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BTNMT ngày tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Số tờ	Số thửa/số thứ tự khoanh	Loại tài liệu		Đơn vị liền kề				Ghi chú
					Tên xã	Tên huyện	Nguồn tài liệu		
			Loại bản đồ	Tỷ lệ			Loại bản đồ	Tỷ lệ	
1	*45*	*56*	*Bản đồ địa chính*	*1:2000*	*Xã D*	*Huyện DD*	*Bản đồ địa chính*	*1:1000*	
2	*Kiểm kê*	*Khoanh đất số*	*Bản đồ kiểm kê đất đai*	*1:10.000*	*Xã B*	*Huyện AA*	*Bản đồ kiểm kê đất đai*	*1:10.000*	
…					…				

Ngày tháng năm

Đơn vị kiểm tra
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Đơn vị thi công
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Ghi chú:

1. Biểu thống kê được tổng hợp và gửi cho Văn phòng đăng ký đất đai để phục vụ cho việc theo dõi tình hình sử dụng đất khi có biến động đất đai;

2. Nội dung ghi chú cần nêu rõ các vấn đề tồn tại và cách xử lý.

PHỤ LỤC V

MẪU BẢNG TỔNG HỢP TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THU THẬP ĐỂ XÂY DỰNG MỚI CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH

Xã……. Thuộc huyện……

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BTNMT ngày tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Nội dung công việc	Tờ bản đồ số	Số hiệu thửa	Chủ sử dụng, quản lý đất	Phân loại thửa đất							Tài liệu thu thập											Phân loại hồ sơ (đăng ký lần đầu hoặc đăng ký biến động)	Số thứ tự theo thứ tự thời gian ghi vào sổ địa chính	Ghi chú
												Giấy chứng nhận			Hồ sơ đăng ký				Số địa chính		Số mục kê				
					Thửa đất loại A	Thửa đất loại B	Thửa đất loại C	Thửa đất loại D	Thửa đất loại E	Thửa đất loại G	Thửa đất loại H	Số hiệu GCN	GCN	Trang bổ sung GCN	Đơn đăng ký lần đầu	Hợp đồng thuê đất	Chứng từ thực hiện nộp tiền SDĐ, TĐ	Tài liệu khác	Quyển số	Trang số	Quyển số	Trang số			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	TỔNG CỘNG																								
I.	**Các thửa đất đã được cấp GCN theo bản đồ địa chính**																								
II	**Thửa đất đã được cấp GCN theo các tài liệu đo đạc khác**																								
II.1	Thửa đất ở khu vực đã có bản đồ																								
II.2	Thửa đất ở khu vực chưa có bản đồ địa chính																								

PHỤ LỤC VI
MẪU BẢNG THÔNG TIN CHƯA ĐỒNG BỘ GIỮA DỮ LIỆU THUỘC TÍNH VÀ DỮ LIỆU KHÔNG GIAN CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BTNMT ngày tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THÔNG TIN CHƯA ĐỒNG BỘ GIỮA DỮ LIỆU THUỘC TÍNH VÀ DỮ LIỆU KHÔNG GIAN CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH

Đợt.... (từ ngày... / ... / ... đến ngày... /... /...)

Công trình: (Tên công trình, công đoạn công trình)

Thuộc dự án, Thiết kế kỹ thuật - Dự toán:……...

Được phê duyệt theo Quyết định số……..

Đơn vị hành chính cấp xã:..……..

STT	Số tờ bản đồ	Số thửa đất	Diện tích		Loại đất	
			Không gian	Thuộc tính	Không gian	Thuộc tính

PHỤ LỤC VII
MẪU BẢNG THÔNG TIN MÔ TẢ CHẤT LƯỢNG DỮ LIỆU CỦA SIÊU DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BTNMT ngày tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Nhóm thông tin mô tả chất lượng dữ liệu gồm các thông tin cơ bản sau: mức độ đầy đủ thông tin, phương pháp đánh giá chất lượng, mức độ đánh giá, kết quả đánh giá.

a) Mức độ đầy đủ thông tin, phương pháp đánh giá chất lượng được xác định theo 03 tiêu chí: tính đồng bộ, nguồn gốc dữ liệu đầu vào, mức độ đầy đủ theo nhóm dữ liệu, cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí về mức độ đầy đủ thông tin	Phương pháp đánh giá	Phân loại đánh giá
1	Tính đồng bộ	Phương pháp kết thừa, phân loại: Dựa trên kết quả trên bảng phân loại thu thập tài liệu của Phục lục 07 kèm theo Thông tư này.	- D1: Đồng bộ giữa 03 khối thông tin; - D2: Đồng bộ giữa không gian và thuộc tính; - D3: Không đồng bộ giữa không gian thuộc tính.
2	Nguồn gốc dữ liệu đầu vào	Theo mức độ 1, 2, 3: 1. Từ bản sao Giấy chứng nhận; 2. Từ sổ địa chính, hồ sơ đăng ký đất đai, hồ sơ đăng ký biến động đất đai; 3. Từ tài liệu giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất.	- C1: theo mức độ 1; - C2 theo mức độ 2; - C3 theo mức độ 3;
3	Mức độ đầy đủ theo nhóm dữ liệu	Phương pháp so sánh: so sánh dữ liệu nhập với các trường thông tin trong bảng dữ liệu.	- M1: Dữ liệu thuộc tính đầy đủ tất cả các nhóm thông tin và hồ sơ quét đầy đủ các tài liệu quét theo quy định;

STT	Tiêu chí về mức độ đầy đủ thông tin	Phương pháp đánh giá	Phân loại đánh giá
			- M2: Dữ liệu thuộc tính đầy đủ các nhóm thông tin cơ bản (thông tin về chủ; thông tin về thửa; thông tin về quyền) và hồ sơ quét đầy đủ các tài liệu quét theo quy định hoặc đầy đủ các tài liệu quét cơ bản (Đơn đăng ký, Giấy chứng nhận); - M3: Các trường hợp còn lại.

b) Mức độ đánh giá chất lượng dữ liệu được thực hiện cho 100% các thửa đất loại A, B, C và D trong cơ sở dữ liệu. Các loại thửa đất còn lại trong cơ sở dữ liệu đánh giá theo tỷ lệ tối thiểu 50%.

c) Kết quả sau khi đánh giá được lập thành bảng như sau:

STT	Số hiệu tờ bản đồ	Số hiệu thửa đất	Tiêu chí đánh giá chất lượng dữ liệu									Kết quả đánh giá
			Tính đồng bộ (TC1)			Chất lượng dữ liệu đầu vào (TC2)			Mức độ đầy đủ thông tin (TC3)			
			D1	D2	D3	C1	C2	C3	M1	M2	M3	Tổ hợp của 3 tiêu chí (TC1, TC2, TC3)

PHỤ LỤC VIII
MẪU BIÊN BẢN BÀN GIAO DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BTNMT ngày tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI
Đợt... (từ ngày ... /... /... đến ngày .../.../...)

Công trình: (Tên công trình, công đoạn công trình)

Thuộc dự án, Thiết kế kỹ thuật - Dự toán:……...

Được phê duyệt theo Quyết định số..……

Căn cứ Biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm ngày..... tháng..... năm…..

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm…. chúng tôi gồm:

I. THÀNH PHẦN BÀN GIAO

1. Bên bàn giao:……

Địa chỉ:……..

Điện thoại:……..

Đại diện: - Ông (Bà):…… - Chức vụ:……

- Ông (Bà):…… - Chức vụ:……

2. Bên nhận bàn giao:……

Địa chỉ:……..

Điện thoại:……..

Đại diện: - Ông (Bà):…… - Chức vụ:……

- Ông (Bà):…… - Chức vụ:……

3. Đơn vị giám sát, kiểm tra:……

Địa chỉ:…….

Điện thoại:…….

Đại diện: - Ông (Bà):…… - Chức vụ:……

- Ông (Bà):…… - Chức vụ:……

II. NỘI DUNG CÁC HẠNG MỤC BÀN GIAO

1. Tài liệu, dữ liệu bàn giao:

- Cơ sở dữ liệu đất đai đã được đối soát, kiểm tra và tích hợp vào hệ thống, đang khai thác vận hành do trung ương quản lý/do cấp tỉnh quản lý gồm:

+ Dữ liệu không gian đất đai nền của... [tên đơn vị hành chính];

+ Cơ sở dữ liệu địa chính của... [tên đơn vị hành chính];

+ Cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất của... [tên đơn vị hành chính];

+ Cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của... [tên đơn vị hành chính];

+ Cơ sở dữ liệu giá đất của... [tên đơn vị hành chính];

+ Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai của... [tên đơn vị hành chính];

+ Cơ sở dữ liệu khác liên quan đến đất đai của... [tên đơn vị hành chính];

- Các tài liệu, dữ liệu khác (nếu có).

2. Số lượng bàn giao cụ thể

2.1. Dữ liệu không gian đất đai nền

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
1	*Xã ...*	*Dữ liệu không gian đất đai nền*	*Bộ dữ liệu*	*1*	*GML*	
2	*...*	*...*	*...*	*...*	*...*	

2.2. Dữ liệu địa chính

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
1	*Xã ...*	*Dữ liệu không gian địa chính*	*Thửa*	…	*GML*	
		Dữ liệu thuộc tính địa chính	*Thửa đất loại A*	…	*XML*	
			Thửa đất loại B	…		
			Thửa đất loại C	…		
			Thửa đất loại D	…		
			Thửa đất loại E	…		
			Thửa đất loại H	…		

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
		Dữ liệu phi cấu trúc về địa chính	*Tệp tài liệu (file)*	…	*PDF, DOC,…*	
		Sổ địa chính	*Thửa*	…	*PDF*	
			Căn hộ	…		
		Siêu dữ liệu địa chính	*Bộ dữ liệu*	…	*XML*	
2	…	…	…	…	…	

2.3. Dữ liệu cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
1	*Tỉnh …/ Vùng kinh tế - xã hội…/ cả nước*	Dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	*Bộ dữ liệu*	01	*GML*	
		Dữ liệu thuộc tính điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	*Bộ dữ liệu*	01	*XML*	
		Dữ liệu phi cấu trúc về kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	*Tệp tài liệu (file)*	…	*PDF, DOC,…*	
		Siêu dữ liệu về kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	*Bộ dữ liệu*	*1*	*XML*	
2	…	…	…	…	…	

Ghi chú:

- Đối với sản phẩm do cấp tỉnh quản lý được bàn giao theo phạm vi đơn vị hành chính cấp huyện hoặc cấp tỉnh.

- Đối với sản phẩm do trung ương quản lý được bàn giao theo vùng kinh tế - xã hội hoặc cả nước.

2.4. Dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

a) Dữ liệu quy hoạch sử dụng đất

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
1	*Huyện .../ Tỉnh .../ Vùng kinh tế - xã hội.../quốc gia.*	*Dữ liệu không gian quy hoạch sử dụng đất*	*Bộ dữ liệu*	*01*	*GML*	
		Dữ liệu thuộc tỉnh quy hoạch sử dụng đất	*Bộ dữ liệu*	*01*	*XML*	
		Dữ liệu phi cấu trúc	*Tệp tài liệu (file)*	*...*	*PDF, DOC,...*	
		Siêu dữ liệu quy hoạch sử dụng đất	*Bộ dữ liệu*	*01*	*XML*	
2	…..	…..	…..	…..	…..	…..

Ghi chú:

- Đối với sản phẩm do cấp tỉnh quản lý được bàn giao theo phạm vi đơn vị hành chính cấp huyện hoặc cấp tỉnh.

- Đối với sản phẩm do trung ương quản lý được bàn giao theo vùng kinh tế - xã hội hoặc quốc gia.

b) Dữ liệu kế hoạch sử dụng đất

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
1	*Huyện .../ Tỉnh...*	*Dữ liệu không gian kế hoạch sử dụng đất*	*Bộ dữ liệu*	*1*	*GML*	
		Dữ liệu thuộc tỉnh kế hoạch sử dụng đất	*Bộ dữ liệu*	*1*	*XML*	
		Dữ liệu phi cấu trúc về kế hoạch sử dụng đất	*Tệp tài liệu (file)*	*...*	*PDF, DOC,...*	
		Siêu dữ liệu kế hoạch sử dụng đất	*Bộ dữ liệu*	*1*	*XML*	
2	*...*	*...*	*...*	*...*	*...*	

Ghi chú: Sản phẩm được bàn giao theo phạm vi đơn vị hành chính cấp huyện hoặc cấp tỉnh.

2.5. Dữ liệu giá đất

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
1	*Xã...*	*Dữ liệu không gian giá đất*	*Vùng giá trị*	*…*	*GML*	
			Thửa đất chuẩn	*…*	*GML*	
			Thửa đất cụ thể	*…*	*GML*	
2	*Xã...*	*Dữ liệu thuộc tính giá đất*	*Dữ liệu về quyết định giá đất*	*01*	*XML*	
			Dữ liệu về bảng giá đất	*01*	*XML*	
			Dữ liệu về giá thửa đất	*...*	*XML*	
			Thửa đất chuẩn	*...*	*XML*	
			Thửa đất cụ thể	*...*	*XML*	
		Dữ liệu phi cấu trúc về giá đất	*Tệp tài liệu (file)*	*...*	*PDF, DOC,…*	
		Siêu dữ liệu giá đất	*Bộ dữ liệu*	*1*	*XML*	
3	*...*	*...*	*...*	*...*	*...*	

2.6. Dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai

a) Dữ liệu kiểm kê đất đai

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
1	*Xã .../ Huyện .../ Tỉnh .../ Vùng kinh tế - xã hội.../ cả nước.*	*Dữ liệu không gian kiểm kê đất đai*	*Bộ dữ liệu*	*01*	*GML*	
		Dữ liệu thuộc tính kiểm kê đất đai	*Bộ dữ liệu*	*01*	*XML*	
		Dữ liệu phi cấu trúc về kiểm kê đất đai	*Tệp tài liệu (file)*	*...*	*PDF, DOC,…*	
		Siêu dữ liệu kiểm kê đất đai	*Bộ dữ liệu*	*01*	*XML*	
2	...	...	...	...	...	

Ghi chú:

- Đối với sản phẩm do cấp tỉnh quản lý được bàn giao theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã hoặc cấp huyện hoặc cấp tỉnh.

- Đối với sản phẩm do trung ương quản lý được bàn giao theo vùng kinh tế - xã hội hoặc quốc gia.

b) Dữ liệu thống kê đất đai

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
1	*Xã .../ Huyện .../ Tỉnh ...*	*Dữ liệu thuộc tính thống kê đất đai*	*Bộ dữ liệu*	*01*	*XML*	
		Dữ liệu phi cấu trúc về thống kê đất đai	*Tệp tài liệu (file)*	*...*	*PDF, DOC,...*	
		Siêu dữ liệu thống kê đất đai	*Bộ dữ liệu*	*01*	*XML*	
2	*...*	*...*	*...*	*...*	*...*	

Ghi chú: Sản phẩm được bàn giao theo phạm vi đơn vị hành chính cấp xã hoặc cấp huyện hoặc cấp tỉnh.

2.7. Dữ liệu khác liên quan đến đất đai

a) Dữ liệu hồ sơ đất đai tại trung ương

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
	Trung ương	*Dữ liệu thuộc tính về hồ sơ đất đai*	*Bộ dữ liệu*	*01*	*XML*	
		Dữ liệu phi cấu trúc về hồ sơ đất đai	*Tệp tài liệu (file)*	*...*	*PDF, DOC,...*	
		Siêu dữ liệu về hồ sơ đất đai	*Bộ dữ liệu*	*01*	*XML*	

b) Dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
1	*Xã.../Huyện .../Tỉnh ...*	*Dữ liệu không gian địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất*	*Thửa đất/ Tài sản gắn liền với đất*	*...*	*GML*	*Là điểm địa chỉ số của thửa đất hoặc tài sản gắn liền với đất*

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
		Dữ liệu thuộc tỉnh địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất	*Thửa đất/ Tài sản gắn liền*	*...*	*XML*	
		Siêu dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất	*Bộ dữ liệu*	*01*	*XML*	
2	*Xã.../Huyện .../Tỉnh ...*	...	...	...	...	

c) Dữ liệu về thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
1	*Xã.../Huyện .../Tỉnh ...*	*Dữ liệu không gian về thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính*	*Bộ dữ liệu*	*01*	*GML*	
		Dữ liệu thuộc tính về thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính	*Bộ dữ liệu*	*01*	*XML*	
		Siêu dữ liệu về thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính	*Bộ dữ liệu*	*01*	*XML*	
2	*Xã.../Huyện .../Tỉnh ...*	...	...	...	...	

d) Dữ liệu tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tại việt nam; dữ liệu về giấy chứng nhận bị thu hồi, huỷ

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
1	*Tỉnh...*	*Dữ liệu thuộc tính*	*Bộ dữ liệu*	*01*	*XML*	
		Siêu dữ liệu	*Bộ dữ liệu*	*01*	*XML*	
2	*Tỉnh...*	...	...	...	...	

đ) Dữ liệu tổng hợp về giá đất

STT	Đơn vị hành chính	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Định dạng	Ghi chú
1	*Xã .../ Huyện.../ Tỉnh...*	*Dữ liệu không gian giá đất*	*Vùng giá trị*	…	*GML*	
			Thửa đất chuẩn	…	*GML*	
			Thửa đất cụ thể	…	*GML*	
2	*Xã .../ Huyện.../ Tỉnh...*	*Dữ liệu thuộc tính giá đất*	*Bộ dữ liệu về quyết định giá đất*	*01*	*XML*	
			Bộ dữ liệu về bảng giá đất	*01*	*XML*	
			Bộ dữ liệu về giá thửa đất	*01*	*XML*	
			Thửa đất chuẩn	...	*XML*	
			Thửa đất cụ thể	...	*XML*	
		Dữ liệu phi cấu trúc về giá đất	*Tệp tài liệu (file)*	...	*PDF, DOC,...*	
		Siêu dữ liệu giá đất	*Bộ dữ liệu*	*1*	*XML*	
3	*Xã .../ Huyện.../ Tỉnh...*	...	...	...	...	

3. Kết luận bàn giao

……..……..

Biên bản gồm có... (...) trang, lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản, 01 (một) bản giao cho chủ đầu tư./.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO	**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN BÀN GIAO**	**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ GIÁM SÁT, KIỂM TRA**
(ký tên, chức vụ, đóng dấu)	*(ký tên, chức vụ, đóng dấu)*	*(ký tên, chức vụ, đóng dấu)*

Ghi chú: Mẫu này áp dụng cho bàn giao chính thức giữa đơn vị thi công và chủ đầu tư theo định kỳ, theo công đoạn công trình và kết thúc công trình.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng